

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NA RÌ
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27-8-2021.

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA RÌ, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Sinh.

Bà Nông Thị Giáp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ma Văn Chung- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà: Bà Triệu Kim Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2021, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021 về: “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXX-ST ngày 14 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 05/8/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lý Thị N**, sinh năm 1985 (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

2. Bị đơn: Anh **Đình Hoàng T**, sinh năm 1982 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1960 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/01/2021, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của đương sự và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lý Thị N trình bày:

* Về hôn nhân: Chị xây dựng gia đình với anh Đình Hoàng T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn vào

ngày 09/3/2007. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là mỗi lần uống rượu về anh T thường hay mắng chửi chị. Mâu thuẫn của hai vợ chồng ngày càng trầm trọng và hai vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Trong thời gian sống ly thân tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn với anh Đinh Hoàng T.

* Về con chung: Vợ chồng có 02 (Hai) con chung tên là Đinh Diệu N, sinh ngày 17/5/2007 và Đinh Hoàng N, sinh ngày 30/01/2011. Các con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện nay con chung Đinh Hoàng N đang ở cùng chị, còn con chung Đinh Diệu N đang ở cùng gia đình anh T. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung Đinh Hoàng N đến năm đủ 18 tuổi. Chị yêu cầu anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung Đinh Diệu N đến năm đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung, nợ chung:

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Hai vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Tại biên bản làm việc ngày 20/4/2021 ông Hoàng Văn T (là bố đẻ của bị đơn) trình bày lại ý kiến bị đơn anh Đinh Hoàng T:

* Bị đơn anh Đinh Hoàng T đang buôn bán tự do ở trong thành phố Hồ Chí Minh, thường hay đi lại ở các tỉnh miền nam để buôn bán nên không có chỗ ở cụ thể. Hiện nay anh T chưa có nhà và cũng không đăng ký tạm trú ở trong thành phố Hồ Chí Minh hay địa phương nào khác.

* Về hôn nhân: Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Lý Thị N thì anh T có ý kiến là do tính tình không hợp dẫn đến nhiều bất đồng trong cuộc sống và hai vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay nên anh T nhất trí ly hôn với chị N.

* Về con chung: Anh T đề nghị được quyền nuôi con chung tên là Đinh Diệu N, sinh ngày 17/5/2007 đến năm đủ 18 tuổi. Giao con chung Đinh Hoàng N, sinh ngày 30/01/2011 cho chị Nga được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến năm đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung, nợ chung:

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T và chị N không nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Tại bản tự khai, biên bản làm việc và đơn xin xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn T trình bày:

Hiện nay Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn đang giải quyết vụ việc ly hôn giữa chị Lý Thị N và con trai của ông là anh Đinh Hoàng T. Quá trình giải quyết anh T đồng ý ly hôn với chị N và anh T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung Đinh Diệu N, sinh ngày 17/5/2007 đến khi con chung đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng

nuôi con chung. Trong thời gian anh T và chị N sống ly thân thì anh T và cháu N sinh sống cùng một nhà với ông. Khi đi làm ăn ở trong thành phố Hồ Chí Minh, anh T có nhờ ông trông nom, chăm sóc cháu N và hàng tháng anh T có gửi tiền cho ông để ông lo cho cháu N sinh hoạt. Ông đã trao đổi với anh T và hoàn toàn chịu trách nhiệm thay anh T trực tiếp chăm sóc, giáo dục cháu N trong khoảng thời gian anh T đi làm ăn xa nhà. Đề nghị Tòa án tạo điều kiện xem xét cho anh T được quyền trực tiếp nuôi cháu N sau khi ly hôn.

Tại các biên bản xác minh cùng ngày 22/4/2021 ông Đàm Văn Q cung cấp thông tin như sau:

Từ năm 1999 đến năm 2020 ông giữ chức vụ Trưởng Công an xã L (Nay là xã V). Quá trình công tác vào khoảng năm 2015 có chị Lý Thị N gọi điện thoại báo về việc chị N và anh T có cãi nhau ở trong nhà của chị N. Sau khi nắm được thông tin ông có cử Phó trưởng Công an xã và Công an viên đến giải quyết. Tuy nhiên sau đó Phó trưởng Công an xã không giải quyết được nên ông trực tiếp vào nhà của chị N để giải quyết. Khi vào đến nhà của chị N thì không thấy anh T ở trong nhà của chị N nên không lập được biên bản. Sau đó không thấy chị N yêu cầu Công an xã tiếp tục giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 22/4/2021 ông Nông Thiêm L cung cấp thông tin như sau:

Ông giữ chức Trưởng Công an xã L từ năm 2004 đến năm 2019 thì được nghỉ hưu. Có 02 lần chị Lý Thị N báo Công an xã về việc hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và khi đó ông cũng có nói là nếu hai vợ chồng không ở được với nhau thì ra Tòa án để giải quyết ly hôn. Về thời điểm hai vợ chồng chị N, anh T phát sinh mâu thuẫn do lâu rồi ông không nhớ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Lý Thị N được ly hôn với anh Đinh Hoàng T.

- *Về con chung:* Giao con chung tên là Đinh Hoàng N, sinh ngày 30/01/2011 cho chị N nuôi dưỡng đến năm đủ 18 tuổi. Giao con chung tên là Đinh Dịu N, sinh ngày 17/5/2007 cho anh T nuôi dưỡng đến năm đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về án phí:* Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lý Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Đinh Hoàng T. Bị đơn anh Đinh Hoàng T có hộ khẩu thường trú tại: Thôn V, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

Bị đơn anh Đinh Hoàng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

Trong quá trình giải quyết vụ án và trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử chưa xác định ông Hoàng Văn T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Tuy nhiên sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án thấy cần thiết phải đưa ông T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì mới giải quyết được triệt để vụ án, vì sau khi chị N và anh T sống ly thân và sau khi anh T đi làm ăn xa, con chung Đinh Diệu N do ông T trực tiếp nuôi dưỡng và ông có nguyện vọng nếu anh T được quyền nuôi con chung thì ông T sẽ tiếp tục hộ anh T nuôi dưỡng đến khi anh T đi làm ăn xa về. Tại phiên tòa ông T vắng mặt và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 09/3/2007 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Do vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thời gian đầu hai vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị N là do anh T thường hay uống rượu, sau mỗi lần uống rượu anh T hay mắng chửi chị N, còn anh T cho rằng mâu thuẫn của hai vợ chồng là do tính tình không hợp dẫn đến bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày. Tuy anh T không thừa nhận có việc mắng chửi chị N mà nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp dẫn đến bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày nhưng thực tế hai vợ chồng đều thừa nhận có mâu thuẫn, hai vợ chồng đã sống ly thân và đều có nguyện vọng được ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị N là có cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Chị N và anh T có 02 (Hai) con chung tên là Đinh Diệu N, sinh ngày 17/5/2007 và Đinh Hoàng N, sinh ngày 30/01/2011. Các con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện nay con chung Đinh Hoàng N đang ở cùng chị N, còn con chung Đinh Diệu N đang ở cùng gia đình anh T. Khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung Đinh Hoàng N đến năm đủ 18 tuổi. Anh T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung Đinh Diệu N đến năm đủ 18 tuổi.

Xét yêu cầu của chị N về việc khi ly hôn chị N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung Đinh Hoàng N đến năm đủ 18 tuổi là có căn cứ và phù hợp với nguyện vọng của con chung Đinh Hoàng N nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu này của chị N.

Xét yêu cầu của anh T và ý kiến của chị N về việc khi ly hôn anh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung Đinh Diệu N đến năm đủ 18 tuổi, thấy rằng tuy hiện nay anh T không có mặt ở tại nơi đăng ký thường trú mà đi làm ăn xa, con chung Đinh Diệu N đang sinh sống cùng ông nội là ông Hoàng Văn T nhưng ông T cam kết sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu N trong thời gian anh T đi làm ăn xa và anh T hàng tháng vẫn gửi tiền về cho ông T để ông T lo việc sinh hoạt của cháu N. Do vậy yêu cầu của anh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung Đinh Diệu N là có căn cứ và phù hợp với nguyện vọng của con chung Đinh Diệu N nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của anh T.

[4] Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện của chị N và quá trình giải quyết vụ án cả chị N và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị N và anh T đều xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn, nuôi con chung của chị Lý Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị N được ly hôn với anh Đinh Hoàng T.

2. Về con chung: Giao con chung Đinh Hoàng N, sinh ngày 30/01/2011 cho chị Lý Thị N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến năm đủ 18 tuổi.

Giao con chung Đinh Diệu N, sinh ngày 17/5/2007 cho anh Đinh Hoàng T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến năm đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn chị Lý Thị N và anh Đinh Hoàng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Nghĩa vụ cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Hai vợ chồng không nợ ai và không cho ai nợ.

4. Về án phí: Chị Lý Thị N phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 06967, ngày 21/01/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận chị N đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản bản án theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Na Rì;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Na Rì;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Võ Thanh Bình